|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌCTÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI**KHOAKINH TẾ TÀI NGUÊN VÀ MÔI TRƯỜNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Mẫu 2****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 2022* |

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG KHAI ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT NĂM HỌC 2022 - 2023**

| **STT** | **Ngành** | **Mục đích môn học** | **Số tín chỉ** | **Lịch trình giảng dạy (Học kỳ)** | **Phương pháp đánh giá sinh viên** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Ngành/Chuyên ngành (1)Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành** |
| **A** | **Hệ đại học chính quy (ĐH8)** |
| **1** | **Lớp: ĐH8QTDL** |  |  |  |  |
| 1.1 |  Quản trị sự kiện |  - Những kiến thức cơ bản về sự kiện và quản trị sự kiện: khái niệm, các loại hình, các thành phần tham gia trong sự kiện; khái niệm, các hoạt động cơ bản, các yếu tố tác động đến quản trị sự kiện; ngành công nghiệp sự kiện; lập kế hoạch tổ chức sự kiện; những vấn đề pháp lý và truyền thông marketing sự kiện; quản trị hậu cần cho sự kiện; đồng thời vận dụng để tổ chức điều hành các hoạt động của sự kiện.- Có kỹ năng lập kế hoạch tổ chức sự kiện.- Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.- Có năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận. | 3  | Học kỳ 1 | ***+ Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%- Bao gồm02 đầu điểm, hệ số 1- Hình thức đánh giá: Tự luận; ***+ Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** Hình thức thi: Tự luận |
| 1.2 | Đạo đức nghề nghiệp | - Những kiến thức tổng quan về đạo đức; đạo đức nghề nghiệp; đạo đức nghề nghiệp trong kinh doanh du lịch, các quy tắc ứng xử về đạo đức nghề nghiệp trong kinh doanh du lịch toàn cầu và trong nước.- Có kỹ năng giao tiếp và ứng xử hiệu quả với khách du lịch.- Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.- Có năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận. | 2 | Học kỳ 1 | ***+ Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%- Bao gồm02 đầu điểm, hệ số 1- Hình thức đánh giá: Tự luận; ***+ Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** Hình thức thi: Tự luận |
| 1.3 | Quản trị điểm đến du lịch | - Những kiến thức cơ bản về quản trị điểm đến du lịch; hoạch định kế hoạch điểm đến du lịch; marketing điểm đến du lịch; quản trị chất lượng điểm đến du lịch, ứng dụng quản lý điểm đến tại một số điểm đến thực tế. - Có kỹ năng nắm vững các yếu tố cấu thành điểm đến du lịch. Xây dựng kế hoạch hành động phát triển du lịch đối với một điểm đến du lịch cụ thể.- Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. Chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.**-** Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận | 3  | Học kỳ 1 | ***+ Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%- Bao gồm02 đầu điểm, hệ số 1- Hình thức đánh giá: Tự luận; ***+ Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** Hình thức thi: Tự luận |
| 1.4 | Quản lý đại lý lữ hành | - Khái quát về đại lý lữ hành, môi trường kinh doanh và chiến lược kinh doanh của đại lý lữ hành, cơ cấu tổ chức của đại lý lữ hành và quản lý hoạt động kinh doanh của đại lý lữ hành.- Có kỹ năng quản lý những hoạt động kinh doanh trong đại lý lữ hành. Xây dựng kế hoạch chiến lược cho các đại lý lữ hành.- Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.- Có năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận. | 2 | Học kỳ 1 | ***+ Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%- Bao gồm02 đầu điểm, hệ số 1- Hình thức đánh giá: Tự luận; ***+ Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** Hình thức thi: Tự luận |
| 1.5 | Quản lý điều hành chương trình du lịch | Học phần Quản lý điều hành chương trình du lịch cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản và các vấn đề liên quan đến quá trình quản lý điều hành chương trình du lịch, các bộ phận điều hành chương trình du lịch trong doanh nghiệp kinh doanh du lịch và lữ hành.Áp dụng các lý thuyết đã được học vào thực tế và có được sự linh hoạt trong quá trình hoạt động nghề nghiệp ở lĩnh vực kinh doanh du lịch và lữ hành.Thông qua giờ bài tập, người học sẽ rèn luyện được kỹ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, kĩ năng giải quyết xung đột nhóm, kỹ năng giao tiếp nhóm, kỹ năng lãnh đạo nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác*.*Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. | 3 | Học kỳ 1 | ***+ Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%- Bao gồm02 đầu điểm, hệ số 1- Hình thức đánh giá: Tự luận; ***+ Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** Hình thức thi: Tự luận |
| 1.6 | Thiết kế chương trình du lịch | Học phần Thiết kế chương trình du lịch cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản và các vấn đề liên quan về chương trình du lịch, quy trình thiết kế chương trình du lịch. Giúp sinh viên nắm vững các kiến thức về thiết kế chương trình du lịch.Áp dụng các lý thuyết đã được học vào thực tế và có thể tự vận dụng để thiết kế một chương trình du lịch.Thông qua giờ bài tập, người học sẽ rèn luyện được kỹ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, kĩ năng giải quyết xung đột nhóm, kỹ năng giao tiếp nhóm, kỹ năng lãnh đạo nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác*.*Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. | 3 | Học kỳ 1 | ***+ Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%- Bao gồm02 đầu điểm, hệ số 1- Hình thức đánh giá: Tự luận; ***+ Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** Hình thức thi: Tự luận |
| **B** | **Hệ đại học (ĐH9)** |
| **1** | **Lớp: ĐH9QTDL** |  | 3 | Học kỳ 1 |  |
| 1.1 | Quản trị sự kiện |  - Người học có được những kiến thức cơ bản về sự kiện và quản trị sự kiện: khái niệm, các loại hình, các thành phần tham gia trong sự kiện; khái niệm, các hoạt động cơ bản, các yếu tố tác động đến quản trị sự kiện; ngành công nghiệp sự kiện; lập kế hoạch tổ chức sự kiện; những vấn đề pháp lý và truyền thông marketing sự kiện; quản trị hậu cần cho sự kiện; đồng thời vận dụng để tổ chức điều hành các hoạt động của sự kiện.- Có kỹ năng lập kế hoạch tổ chức sự kiện.- Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.- Có năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận. | 3 | Học kỳ 1 | ***+ Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%- Bao gồm02 đầu điểm, hệ số 1- Hình thức đánh giá: Tự luận; ***+ Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** Hình thức thi: Tự luận |
| 1.2 | Quản trị xuất nhập cảnh và lưu trú | - Người học có được những kiến thức tổng quan các vấn đề căn bản như: điều kiện, thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và người nước ngoài tại Việt Nam, vấn đề thị thực đối với khách du lịch, hệ thống cơ sở lưu trú du lịch cơ bản và các nội dung cơ bản trong quá trình kinh doanh sản phẩm lưu trú.- Nắm vững các quy trình thủ tục xuất nhập cảnh và lưu trú từ đó áp dụng giải quyết các tình huống trong thực tế nghề nghiệp. - Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. Có trách nhiệm, tự giác, chủ động tham gia làm việc nhóm nghiêm túc, phối hợp với các thành viên trong quá trình nghiên cứu, thảo luận.- Có năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận. | 3 | Học kỳ 1 | ***+ Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%- Bao gồm02 đầu điểm, hệ số 1- Hình thức đánh giá: Tự luận; thảo luận nhóm***+ Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** Hình thức thi: Tự luận |
| 1.3 | Quản trị lễ tân | - Người học có được những kiến thức cơ bản về quản trị lễ tân; quản trị nhân sự và trang thiết bị tại bộ phận lễ tân; quản trị hoạt động đón, tiếp khách của bộ phận lễ tân; đánh giá hiệu quả hoạt động của bộ phận lễ tân; hoạt động quản trị lễ tân trong kinh doanh khách sạn. - Có kỹ năng quản trị các hoạt động cơ bản của bộ phận lễ tân.- Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.- Có năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận. | 2 | Học kỳ 1 | ***+ Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%- Bao gồm02 đầu điểm, hệ số 1- Hình thức đánh giá: Tự luận; ***+ Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** Hình thức thi: Tự luận |
| 1.4 | Văn hóa ẩm thực | - Người học có được những kiến thức tổng quan về văn hóa ẩm thực; tập quán và khẩu vị ăn uống; văn hóa ẩm thực khu vực châu Á và văn hóa ẩm thực Việt Nam.Có kỹ năng thiết kế thực đơn và sắp xếp bàn ăn cho khách du lịch.- Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.- Có năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận. | 3 | Học kỳ 1 | ***+ Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%- Bao gồm02 đầu điểm, hệ số 1- Hình thức đánh giá: Tự luận; ***+ Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** Hình thức thi: Tự luận |
| 1.5 | Quản trị kinh doanh khách sạn | Người học có được những kiến thức tổng quan về kinh doanh khách sạn; quản trị nguồn nhân lực; marketing; chất lượng dịch vụ; tổ chức kinh doanh lưu trú; ăn uống; kiểm soát hoạt động và kiểm tra kết quả kinh doanh của khách sạn.Có kỹ năng đánh giá, phân tích, hoạch định, tổ chức, thực hiện, kiểm tra và đánh giá hoạt động quản trị kinh doanh khách sạn;Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. Có trách nhiệm, tự giác, chủ động tham gia làm việc nhóm nghiêm túc, phối hợp với các thành viên trong quá trình nghiên cứu, thảo luận.Có năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận. | 3 | Học kỳ 1 | ***+ Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%- Bao gồm02 đầu điểm, hệ số 1- Hình thức đánh giá: Tự luận; ***+ Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** Hình thức thi: Tự luận |
| 1.6 | Quản lý nhà nước về du lịch | - Người học có được những kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước trong lĩnh vực du lịch, một số vấn đề quản lý hành chính nhà nước về du lịch; bộ máy quản lý nhà nước về du lịch; quản lý quy hoạch phát triển du lịch; quản lý khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch; quản lý kinh doanh du lịch; quản lý hướng dẫn du lịch; xúc tiến du lịch; hợp tác quốc tế về du lịch; thanh tra, kiểm tra du lịch- Nắm vững các hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực du lịch.- Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. Chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.**-** Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận | 2 | Học kỳ 2 | ***+ Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%- Bao gồm02 đầu điểm, hệ số 1- Hình thức đánh giá: Tự luận; ***+ Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** Hình thức thi: Tự luận |
| 1.7 | Marketing du lịch | - Người học có được những kiến thức cơ bản về quy trình quản trị marketing cho doanh nghiệp kinh doanh du lịch cũng như các nội dung cơ bản của các chiến lược marketing hỗn hợp (chiến lược sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến) trong du lịch. Từ đó giúp người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai- Hiểu được những vấn đề cơ bản về marketing du lịch- Vận dụng hệ thống kiến thức người học có thể nắm được những kiến thức cơ bản về marketing du lịch, từ đó có thể ứng dụng linh hoạt trong hoạt động marketing của các doanh nghiệp kinh doanh du lịch- Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể ghi nhớ được kiến thức môn học cũng như khả năng thuyết trình, thảo luận, và hợp tác với thành viên với nhau- Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.- Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản- Ý thức được tầm quan trọng của hoạt động marketing du lịch trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn | 3 | Học kỳ 2 | ***+ Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%- Bao gồm02 đầu điểm, hệ số 1- Hình thức đánh giá: Tự luận; thảo luận nhóm***+ Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** Hình thức thi: Tự luận |
| 1.8 | Đạo đức nghề du lịch | *-* Người học có được kiến thức cơ bản về đạo đức, cấu trúc của đạo đức, ý thức đạo đức và thực hiện đạo đức, quan hệ đạo đức, đạo đức xã hội và đạo đức cá nhân, vai trò, nguồn gốc, bản chất và chức năng của đạo đức. Phân tích được mối quan hệ giữa đạo đức và hình thái ý thức xã hội. Nhận diện các vấn đề đạo đức nghề nghiệp nói chung và lĩnh vực du lịch nói riêng; cũng như hiểu được các quy tắc ứng xử đạo đức kinh doanh du lịch toàn cầu và Việt Nam.- Hình thành và phát triển kỹ năng phân tích đánh giá thực tiễn về các mối quan hệ đạo đức và các hình thái ý thức xã hội khác. Hình thành và phát triển kỹ năng vận dụng kiến thức đạo đức nghề nghiệp vào thực tế.- Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề đạo đức trong công tác ngành du lịch; - Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và du lịch.- Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao đạo đức nghề du lịch  | 2 | Học kỳ 2 | ***+ Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%- Bao gồm02 đầu điểm, hệ số 1- Hình thức đánh giá: Tự luận; thảo luận nhóm***+ Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** Hình thức thi: Tự luận |
| 1.9 | Du lịch bền vững | - Người học có được những kiến thức cơ bản về du lịch và môi trường, phát triển du lịch bền vững, cơ sở khoa học cho phát triển du lịch bền vững, phát triển du lịch bền vững ở những vùng sinh thái nhạy cảm.- Có kỹ năng vận dụng các kiến thức được cung cấp trong học phần để lập kế hoạch, xây dựng các mô hình phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam.- Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. Có trách nhiệm, tự giác, chủ động tham gia làm việc nhóm nghiêm túc, phối hợp với các thành viên trong quá trình nghiên cứu, thảo luận.- Tích cực, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học. | 3 | Học kỳ 2 | ***+ Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%- Bao gồm02 đầu điểm, hệ số 1- Hình thức đánh giá: Tự luận; ***+ Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** Hình thức thi: Tự luận |
| 1.10 | Quản trị điểm đến du lịch | Người học có được những kiến thức cơ bản về quản trị điểm đến du lịch; hoạch định kế hoạch điểm đến du lịch; marketing điểm đến du lịch; quản trị chất lượng điểm đến du lịch, ứng dụng quản lý điểm đến tại một số điểm đến thực tế. Có kỹ năng nắm vững các yếu tố cấu thành điểm đến du lịch. Xây dựng kế hoạch hành động phát triển du lịch đối với một điểm đến du lịch cụ thể.- Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. Chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.**-** Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận | 2 | Học kỳ 2 | ***+ Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%- Bao gồm02 đầu điểm, hệ số 1- Hình thức đánh giá: Tự luận***+ Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** Hình thức thi: Tự luận |
| 1.11 | Du lịch sinh thái | Người học có được những kiến thức cơ bản về du lịch sinh thái, tài nguyên du lịch sinh thái, quan hệ giữa du lịch sinh thái và phát triển, phát triển du lịch sinh thái bền vững, xây dựng, quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái, những hoạt động du lịch sinh thái và phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam.- Có kỹ năng xây dựng, quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái. - Vận dụng các kiến thức trong học phần để xây dựng các mô hình du lịch sinh thái cho phù hợp với thực tiễn ở Việt Nam.- Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.- Có năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận. | 3 | Học kỳ 2 | ***+ Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%- Bao gồm02 đầu điểm, hệ số 1- Hình thức đánh giá: Tự luận; Bài tập nhóm***+ Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** Hình thức thi: Tự luận |
| 1.12 | Du lịch văn hóa Việt Nam | Người học có thể hiểu những kiến thức tổng quan về du lịch văn hóa Việt Nam; các yếu tố cơ sở văn hóa Việt Nam; các kỹ năng nghiệp vụ du lịch văn hóa Việt Nam và định hướng phát triển du lịch văn hóa Việt Nam.Người học có được các kỹ năng nhận diện và khai thác giá trị văn hóa; xây dựng, xúc tiến, quảng bá; tổ chức và hướng dẫn chương trình du lịch văn hóa Việt Nam và xây dựng định hướng phát triển du lịch văn hóa dựa trên cơ sở phát triển du lịch văn hóa Việt Nam.Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. Có trách nhiệm, tự giác, chủ động tham gia làm việc nhóm nghiêm túc, phối hợp với các thành viên trong quá trình nghiên cứu, thảo luận.Có năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận. | 2 | Học kỳ 2 | ***+ Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%- Bao gồm02 đầu điểm, hệ số 1- Hình thức đánh giá: Tự luận; thảo luận nhóm***+ Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** Hình thức thi: Tự luận |
| **C** | **Hệ đại học chính quy (ĐH10)** |
| **1** | **Lớp: ĐH10QTDL** |  |  |  |  |
| 1.1 |  Tổng Quan Du Lịch | 1. Học phần Tổng quan du lịch cung cấp cho người học các vấn đề tổng quan về du lịch; động cơ và loại hình du lịch; tính thời vụ trong du lịch; điểm đến du lịch, tác động của du lịch đến sự phát triển kinh tế, văn hóa – xã hội, môi trường; quy hoạch và phát triển du lịch. Từ đó giúp người học nắm vững động cơ của khách du lịch, thích ứng với tính thời vụ du lịch tại các điểm đến du lịch. Có kỹ năng vận dụng các kiến thức được cung cấp trong học phần để đưa ra các biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.
2. Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tổng quan du lịch; động cơ và loại hình du lịch; tính thời vụ trong du lịch; điểm đến du lịch, tác động của du lịch đến sự phát triển kinh tế, văn hóa – xã hội, môi trường; quy hoạch và phát triển du lịch.

Nắm vững động cơ của khách du lịch, thích ứng với tính thời vụ du lịch tại các điểm đến du lịch. Có kỹ năng vận dụng các kiến thức được cung cấp trong học phần để đưa ra các biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. |  3 Tín chỉ | Học Kỳ 1 | ***+ Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%- Bao gồm02 đầu điểm, hệ số 1- Hình thức đánh giá: Tự luận; thảo luận nhóm***+ Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** Hình thức thi: Tự luận |
| 1.2 | **Tư tưởng Hồ Chí Minh**  | 1. Khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng trong thực tiễn.
2. Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình; Tư duy lý luận, phản biện.

Bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước; Xác định trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc. | 2 Tín chỉ | Kỳ 1 | ***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%- Bao gồm02 đầu điểm, hệ số 1- Hình thức đánh giá: Tự luận; thảo luận nhóm***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** hình thức thi: Tự luận |
| 1.3 | **Tiếng Anh 3** | 1. Kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở mức độ trung cấp để vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh nói chung; kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội.
2. Kỹ năng Nghe, Đọc, Viết ở mức độ trung cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả.

Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao. | 2 Tín chỉ | Kỳ 1 | ***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%- Bao gồm02 đầu điểm, hệ số 1- Hình thức đánh giá: Tự luận; thảo luận nhóm***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** hình thức thi: Tự luận |
| 1.4 | **Nguyên lý kế toán** | 1. Những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguyên tắc, đối tượng kế toán, các phương pháp kế toán. Những kiến thức cơ bản về kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu theo chế độ kế toán hiện hành. Những kiến thức cơ bản về tổ chức công tác kế toán.
2. Có kỹ năng về tính giá các đối tượng kế toán, định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ghi sổ kế toán. Có kỹ năng giao tiếp.

Có năng lực tổ chức làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập. Có khả năng học tập, tích lũy kiến thức, tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành | 3 Tín chỉ | Kỳ 1 | ***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%- Bao gồm02 đầu điểm, hệ số 1- Hình thức đánh giá: Tự luận; thảo luận nhóm***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** hình thức thi: Tự luận |
| 1.5 | **Tài chính - Tiền tệ** | 1. Những vấn đề cơ bản về Tài chính như: Khái niệm, chức năng tài chính, cấu trúc hệ thống tài chính, ngân sách Nhà nước, tài chính doanh nghiệp, sự hình thành và cấu trúc thị trường tài chính, các tổ chức tài chính trung gian, ngân hàng thương mại, ngân hàng Trung ương. Những vấn đề cơ bản về Tiền tệ: Nguồn gốc, bản chất và chức năng của tiền tệ, cung và cầu tiền tệ, tác động lạm phát đến phát triển kinh tế xã hội. Những vấn đề cơ bản về tín dụng và lãi suất tín dụng, quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế.
2. Có khả năng giải thích được những vấn đề cơ bản về tài chính tiền tệ, có kiến thức thực tế để vận dụng giải quyết các công việc chuyên môn. Có kỹ năng lập luận, phân tích, tổng hợp, bình luận, đánh giá các hoạt động của thị trường tài chính, các tổ chức trung gian tài chính, hoạt động tín dụng, tài chính quốc tế và hệ thống Ngân hàng. Từ những kiến thức cơ bản của học phần giúp người học có khả năng phân tích và tổng hợp các vấn đề về tài chính – tiền tệ. Từ đó đề xuất các giải pháp tài chính phù hợp cho các chủ thể trong nền kinh tế.

Có năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.Ý thức được tầm quan trọng của việc phân tích và dự báo sự ảnh hưởng của sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ đến nền kinh tế và tình hình tài chính của các chủ thể trong nền kinh tế. | 2 Tín chỉ | Kỳ 1 | ***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%- Bao gồm02 đầu điểm, hệ số 1- Hình thức đánh giá: Tự luận; thảo luận nhóm***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** hình thức thi: Tự luận |
| 1.6 | **Quản trị nguồn nhân lực** | 1. Áp dụng kiến thức cơ bản về các hoạt động quản trị nguồn nhân lực để giải quyết các vấn đề quản trị nhân lực trong doanh nghiệp, cụ thể như sau: Các nhân tố cần thiết để quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức; phân tích công việc; lập kế hoạch về nguồn nhân lực; phương pháp để tuyển dụng, đào tạo và đánh giá nhân viên; phương pháp trả lương hiệu quả, tạo động lực cho người lao động làm việc năng suất.
2. Vận dụng áp dụng kiến thức cốt lõi vấn đề quản trị nhân lực; nhận thức được sự cần thiết phải xây dựng nguồn nhân lực linh hoạt hiệu quả đến hoạt động nghề nghiệp tại doanh nghiệp.Từ đó, người học ứng dụng trong giải quyết các công việc chuyên môn ngành Quản trị nhân lực.

Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật. | 3 Tín chỉ | Kỳ 1 | ***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%- Bao gồm02 đầu điểm, hệ số 1- Hình thức đánh giá: Tự luận; thảo luận nhóm***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** hình thức thi: Tự luận |
| 1.7 | **Thương mại điện tử** | 1. Trình bày được những kiến thức cơ bản như: lợi ích của thương mại điện tử cũng như các lĩnh vực ứng dụng; Cơ sở công nghệ của thương mại điện tử và các vấn đề an ninh, an toàn bảo mật trong thương mại Internet; Chiến lược thương mại điện tử.
2. Vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn trong phát triển hoạt động thương mại điện tử áp dụng với các mô hình giao dịch điện tử B2B, B2C, C2C, G2G, G2B, G2C.

Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | 2 Tín chỉ | Kỳ 1 | ***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%- Bao gồm02 đầu điểm, hệ số 1- Hình thức đánh giá: Tự luận; thảo luận nhóm***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** hình thức thi: Tự luận |
| 1.8 | Điểm đến du lịch | 1. Học phần điểm đến du lịch cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tổng quan về điểm đến du lịch, các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của điểm đến du lịch, tổ chức lãnh thổ du lịch, tổ chức lãnh thổ du lịch trên thế giới, tổ chức lãnh thổ du lịch tại Việt Nam. Từ đó giúp cho người học có được các dữ liệu du lịch tại các tổ chức lãnh thổ làm tiền đề cho hoạt động nghề nghiệp trong tương lai.
2. Những kiến thức cơ bản về du lịch và điểm đến du lịch, các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của điểm đến du lịch, tổ chức lãnh thổ du lịch, hệ thống phân vùng lãnh thổ du lịch trên thế giới và tại Việt Nam.

Có kỹ năng vận dụng các kiến thức được cung cấp trong học phần làm nền tảng kiến thức cho hoạt động hướng dẫn du lịch, thiết kế chương trình du lịch trong tương lai. | 3 Tín chỉ | Học Kỳ 2 | ***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%- Bao gồm02 đầu điểm, hệ số 1- Hình thức đánh giá: Tự luận; thảo luận nhóm***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** hình thức thi: Tự luận |
| 1.9 | Quản trị doanh nghiệp du lịch | 1. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức tổng quan về quản trị doanh nghiệp du lịch như quản trị nguồn nhân lực quản trị marketing; quản trị chiến lược; quản trị tài chính và quản trị chất lượng dịch vụ du lịch. Đồng thời, học phần cũng cung cấp cho người học kỹ năng thực hiện các hoạt động quản trị trong doanh nghiệp du lịch.

Nắm vững các nôị dung về quản trị nhân lực, quản trị marketing, quản trị chiến lược, quản trị tài chính, quản trị chất lượng dịch vụ du lịch. Thực hiện các hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp du lịch  | 3 Tín chỉ | Học kỳ 2 | ***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%- Bao gồm02 đầu điểm, hệ số 1- Hình thức đánh giá: Tự luận; thảo luận nhóm***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** hình thức thi: Tự luận |
| 1.10 | Quản trị chất lượng du lịch | 1. Học phần Quản trị chất lượng du lịch cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về quản trị chất lượng dịch vụ du lịch trong các doanh nghiệp kinh doanh du lịch và lữ hành; kỹ năng thiết kế, đánh giá chất lượng dịch vụ du lịch; những kiến thức về đảm bảo và cải tiến chất lượng dịch vụ du lịch; các hệ thống quản trị chất lượng trong du lịch. Trên cơ sở đó giúp người học có thể vận dụng giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động quản trị chất lượng dịch vụ du lịch.

Có kỹ năng nắm vững các hệ thống quản trị chất lượng ISO 9000: 2000; ÍSO 2200: 2005; quản trị chất lượng đồng bộ ( TQM). Thực hanh áp dụng các hệ thống quản trị chất lượng ISO 9000: 2000; ISO 22000:2005; quản trị chất lượng đồng bô vào thực tiễn | 2 Tín chỉ | Học kỳ 2 | ***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%- Bao gồm02 đầu điểm, hệ số 1- Hình thức đánh giá: Tự luận; thảo luận nhóm***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** hình thức thi: Tự luận |
| 1.11 | Tâm lý khách hàng du lịch | 1. Môn học cung cấp cho người học các khái niệm cơ bản về tâm lý khacsh hàng du lịch và các yếu tố ảnh hưởng đêns tâm lý khách hàng du lịch; những đặc điểm tâm lý của du khách trong quá trình tiêu dùng dịch vụ du lịch; những đặc điểm tâm lý thuộc cá nhân phổ biến của khách hàng du lịch; những đặc điểm tâm lý của khách du lịch ở một số quốc gia và khu vực: Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Úc, Châu Á trong đó có Việt Nam.
2. Các kiến thức cơ bản như: tâm lý khách hàng du lịch và các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý khách hàng du lịch, những đặc điểm tâm lý của du khách trong quá trình tiêu dùng dịch vụ du lịch. Ngoài ra người học cũng tổng hợp được những đặc điểm tâm lý thuộc cá nhân phổ biến của khách hàng du lịch; những đặc điểm tâm lý của khách du lịch ở một số quốc gia và khu vực: Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Úc, Châu Á trong đó có Việt Nam.

Thực hiện phân tích, hoạch định, tổ chức, thực hiện, đánh giá và kiểm tra kết quả nghiên cứu tâm lý khách hàng và sản phẩm du lịch. | 3 Tín chỉ | Học Kỳ 2 | ***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%- Bao gồm02 đầu điểm, hệ số 1- Hình thức đánh giá: Tự luận; thảo luận nhóm***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** hình thức thi: Tự luận |
| 1.12 | Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam | 1. Chứng minh được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách quan; phân tích được nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam và đánh giá được kết quả thực hiện đường lối đó.
2. Vận dụng được kiến thức đã học trong giải quyết một số vấn đề lý luận chính trị - xã hội.

Có lập trường tư tưởng vững vàng, có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, kiên định với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Xác định được trách nhiệm của bản thân đối với công cuộc xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; Có năng lực đánh giá và giải quyết một số vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường theo chủ trương, đường lối của Đảng. | 3 Tín chỉ | Kỳ 2 | ***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%Bao gồm02 đầu điểm, hệ số 1- Hình thức đánh giá: Tự luận; thảo luận nhóm***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** hình thức thi: Tự luận |
| 1.13 | Kỹ năng mềm | 1. Hiểu được những kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Bên cạnh đó, người học có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực. Ngoài ra, học phần Kỹ năng mềm còn giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai.
2. Vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn công việc và trong cuộc sống như: quá trình giao tiếp, quá trình giải quyết vấn đề, giải quyết xung đột tại nơi làm việc, kỹ năng lãnh đạo, thực tiễn đi xin việc và hòa nhập với công việc mới.

Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực kế toán; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình. | 2 Tín chỉ | Kỳ 2 | ***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%- Bao gồm02 đầu điểm, hệ số 1- Hình thức đánh giá: Tự luận; thảo luận nhóm***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** hình thức thi: Tự luận |
| 1.14 | Kế toán tài chính | 1. Hiểu được những kiến thức cơ bản về hạch toán nghiệp vụ tài sản cố định, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí sản xuất và các phương pháp tính giá thành sản phẩm – dịch vụ, xác định kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận,... trong doanh nghiệp sản xuất.
2. Hiểu những công việc kế toán ở một đơn vị cụ thể. Vận dụng kiến thức đã học có thể thực hành công việc kế toán ở dạng đơn giản. Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. Từ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, có thể tính toán và đánh giá được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó đưa ra các biện pháp giúp cho nhà quản lý doanh nghiệp quản lý tốt chi phí và điều chỉnh được các hoạt động trong doanh nghiệp đảm bảo đạt được lợi nhuận cao cho doanh nghiệp.

Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. Ý thức được tầm quan trọng của môn học để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn.  | 2 Tín chỉ | Kỳ 2 | ***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%- Bao gồm02 đầu điểm, hệ số 1- Hình thức đánh giá: Tự luận; thảo luận nhóm***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** hình thức thi: Tự luận |
| **D** | **Hệ đại học chính quy(ĐH11)** |
| **1** | **Lớp: ĐH11QTDL** |  |  |  |  |
| 1.1 |  **Pháp luật đại cương** |  Mục đích của học phần này nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật. Nội dung của học phần bao gồm những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nhà nước và pháp luật; những nội dung về các ngành luật cơ bản và Pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Sau khi kết thúc học phần, người học iết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những tình huống trong thực tế. | 2  | Học kỳ 1 | ***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%- Bao gồm02 đầu điểm, hệ số 1- Hình thức đánh giá: Tự luận; thảo luận nhóm***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** hình thức thi: Tự luận |
| 1.2 | Tiếng Anh 1 | Học phần “*Tiếng Anh 1”* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm chung: công việc hàng ngày, thói quen, sở thích, du lịch, đất nước, con người... Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày như: giới thiệu bản thân, giải quyết những vấn đề thường gặp khi giao tiếp trên điện thoại và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. | 3 | Học kỳ 1 | ***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%Bài kiểm tra số 1- Trắc nghiệmBài tậpThái độ học tậpBài kiểm tra số 2 - Vấn đáp***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** Hình thức thi: Bài thi trắc nghiệm Thi vấn đáp |
| 1.3 | Tin học đại cương  | Học phần “*Tin học đại cương”* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần tin học đại cương trang bị các kiến thức cơ bản, hệ thống về công nghệ thông tin như: khái niệm thông tin và cách biểu diễn thông tin trong máy tính, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, Internet, ứng dụng của công nghệ thông tin; sinh viên hiểu rõ các chức năng và cách làm việc với máy tính trong công việc thông thường, làm quen với một số hệ điều hành thông dụng và biết cách giao tiếp với hệ điều hành Windows; biết sử dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng văn phòng: MS Word, MS Excel và MS Powerpoint. | 2 | Học kỳ 1 | ***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%Bài tậpChuyên cầnBáo cáoBài thực hành***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** Thi hết học phần |
| 1.4 | Kinh tế vi mô | Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: lý thuyết về cầu - cung hàng hóa và giá cả hàng hóa trên thị trường; lý thuyết về sản xuất (tối đa hóa sản lượng), về chi phí sản xuất (tối thiểu hóa chi phí) và về lợi nhuận (tối đa hóa lợi nhuận); Các lý thuyết về cấu trúc của thị trường hàng hóa (thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo) và nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp hoạt động trong các thị trường này. Đồng thời, học phần cũng nghiên cứu hành vi của các doanh nghiệp, người tiêu dùng; phân tích các yếu tố xác định giá và lượng trong thị trường hàng hoá và thị trường các yếu tố sản xuất. Ý nghĩa của các loại cơ cấu thị trường; Phân tích những thất bại vốn có của thị trường và vai trò Chính phủ trong việc can thiệp vào một số thất bại của thị trường. | 3 | Học kỳ 1 | ***+ Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%- Bao gồm02 đầu điểm, hệ số 1- Hình thức đánh giá Bài kiểm tra 1Bài tập Thái độ học tậpBài kiểm tra 2 Thái độ học tập***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** hình thức thi: Tự luận |
| 1.5 | Toán kinh tế | Học phần “*Toán kinh tế”* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu cho sinh viên các kiến thức về: đại số, giải tích, ứng dụng và ý nghĩa của chúng trong phân tích kinh tế. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên để áp dụng vào các lĩnh vực khoa học khác. | 2 | Học kỳ 1 | ***+ Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%- Bao gồm02 đầu điểm, hệ số 1- Hình thức đánh giá Bài tậpThái độ học tậpBài kiểm tra 1Bài kiểm tra 2***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** hình thức thi: Tự luận |
| 1.6 | Quản trị học | Học phần trình bày các vấn đề cơ bản bao gồm: Khái niệm quản trị, nhà quản trị và các kỹ năng của nhà quản trị. Ứng dụng các lý thuyết về môi trường quản trị dùng để phân tích, đánh giá phục vụ ra quyết định trong quá trình quản trị và bốn chức năng cơ bản của nhà quản trị đó là chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm tra. | 3 | Học kỳ 1 | ***+ Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%- Bao gồm02 đầu điểm, hệ số 1- Hình thức đánh giá Bài kiểm traBài tậpThái độ học tậpBài kiểm traBài tậpThái độ học tập***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** hình thức thi: Tự luận |
| 1.7 | Giáo dục thể chất 1 - Thể dục |  | 1 | Học kỳ 1 |  |
| 1.8 | Triết học Mác - Lênin | Học phần Triết học Mác-Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học, là học phần tiên quyết, trang bị thế giới quan và phương pháp luận làm tiền đề cho việc học tập các học phần lý luận chính trị tiếp theo. Nội dung học phần gồm 3 chương, ngoài khái quát những tri thức chung về triết học, học phần trang bị những kiến thức cơ bản về triết học Mác-Lênin bao gồm chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử và ý nghĩa phương pháp luận của những kiến thức triết học đối với thực tiễn.  | 3 | Học kỳ 2 | ***+ Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%- Bao gồm02 đầu điểm, hệ số 1- Hình thức đánh giá Bài kiểm traBài tập cá nhânBài tập nhómChuyên cầnThảo luận, phát biểuThái độ học tập***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** hình thức thi: Tự luận |
| 1.9 | Tiếng Anh 2 | Học phần “*Tiếng Anh 2”* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, so sánh của tính từ - trạng từ, động từ khuyết thiếu… và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm như: nghề nghiệp, lễ hội, du lịch… ở mức độ tiền trung cấp. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết mức độ tiền trung cấp thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày như: gọi điện thoại, thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. | 3 | Học kỳ 2 | ***+ Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%- Bao gồm02 đầu điểm, hệ số 1- Hình thức đánh giá Bài kiểm tra số 1- Trắc nghiệmBài tậpThái độ học tậpBài kiểm tra số 2 - Vấn đáp***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** hình thức thi: Tự luận Bài thi trắc nghiệm Bài thi vấn đáp |
| 1.10 | Kinh tế vĩ mô | Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Kinh tế học vĩ mô (Macroeconomic) là một phân ngành của kinh tế học chuyên nghiên cứu về đặc điểm, cấu trúc và hành vi của cả một nền kinh tế nói chung. Kinh tế học vĩ mô và kinh tế học vi mô là hai lĩnh vực chung nhất của kinh tế học. Trong khi kinh tế học vi mô chủ yếu nghiên cứu về hành vi của các cá thể đơn lẻ như công ty và cá nhân người tiêu dùng, kinh tế học vĩ mô lại nghiên cứu các chỉ tiêu cộng hưởng như GDP, tỉ lệ thất nghiệp, và các chỉ số giá cả để hiểu cách hoạt động của cả nền kinh tế. Học phần bao gồm 7 chương, sẽ cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô đơn giản; những nội dung cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quy định sản lượng của một nền kinh tế, hay các vấn đề về lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, các chính sách của nền kinh tế mở. | 3 | Học kỳ 2 | ***+ Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%- Bao gồm02 đầu điểm, hệ số 1- Hình thức đánh giá Bài kiểm tra 1Bài tập Thái độ học tậpBài kiểm tra 2Thái độ học tập***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** hình thức thi: Tự luận |
| 1.11 | Tổng quan du lịch | Học phần Tổng quan du lịch cung cấp cho người học các vấn đề tổng quan về du lịch; động cơ và loại hình du lịch; tính thời vụ trong du lịch; điểm đến du lịch, tác động của du lịch đến sự phát triển kinh tế, văn hóa – xã hội, môi trường; quy hoạch và phát triển du lịch. Từ đó giúp người học nắm vững động cơ của khách du lịch, thích ứng với tính thời vụ du lịch tại các điểm đến du lịch. Có kỹ năng vận dụng các kiến thức được cung cấp trong học phần để đưa ra các biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. | 3 | Học kỳ 2 | ***+ Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%- Bao gồm02 đầu điểm, hệ số 1- Hình thức đánh giá Bài kiểm traThái độ học tậpBài kiểm traThái độ học tập***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** hình thức thi: Tự luận |
| 1.12 | Tài chính - Tiền tệ | Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: - Các khái niệm căn bản về phạm trù tài chính – tiền tệ, các bộ phận của hệ thống tài chính.- Những vấn đề liên quan đến lãi suất và tín dụng, các phương pháp tính lãi.- Khái niệm, thành phần của ngân sách Nhà nước, tài chính doanh nghiệp.- Những vấn đề về thị trường tài chính và các tổ chức tài chính trung gian đặc biệt là ngân hàng thương mại, ngân hàng Trung ương và chính sách tiền tệ, tài chính quốc tế…  | 2 | Học kỳ 2 | ***+ Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%- Bao gồm02 đầu điểm, hệ số 1- Hình thức đánh giá Bài kiểm traBài tậpBài kiểm traThái độ học tập***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** hình thức thi: Tự luận |
| 1.13 | Điểm đến du lịch | Học phần điểm đến du lịch cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tổng quan về điểm đến du lịch, các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của điểm đến du lịch, tổ chức lãnh thổ du lịch, tổ chức lãnh thổ du lịch trên thế giới, tổ chức lãnh thổ du lịch tại Việt Nam. Từ đó giúp cho người học có được các dữ liệu du lịch tại các tổ chức lãnh thổ làm tiền đề cho hoạt động nghề nghiệp trong tương lai. | 3 | Học kỳ 2 | ***+ Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%- Bao gồm02 đầu điểm, hệ số 1- Hình thức đánh giá Bài kiểm traThái độ học tậpBài kiểm traThảo luậnThái độ học tập***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** hình thức thi: Tự luận |
| 1.14 | Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1 |  |  | Học kỳ 2 |  |
| 1.15 | Tham quan nhận thức 1 | Học phần này cung cấp cho người học những hiểu biết về các tuyến điểm du lịch và việc tổ chức hoạt động trong các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, các khu, điểm du lịch; người học bước đầu được tiếp cận thực tế và phần nào hình dung được công việc trong tương lai. | 1 | Học kỳ 2 | Báo cáo tiến độThái độ học tậpBáo cáo tham quan |
| 1.16 | Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, thuộc các môn lý luận chính trị; Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. | 2 | Học kỳ 2 | ***+ Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%- Bao gồm02 đầu điểm, hệ số 1- Hình thức đánh giá: Tự luận; Bài kiểm tra, Bài tập cá nhân , Bài tập nhóm, Thảo luận, phát biểu ***+ Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%***,*** Hình thức thi: Tự luận |
| 1.17 | Công tác quốc phòng và an ninh |  |  | Học kỳ 2 |  |
| **II** | **Ngành/Chuyên ngành (2)….** |  |  | Học kỳ 2 |  |
| **A** | **Hệ Thạc sĩ** |
| **1** | **Lớp: …..** |  |  |  |  |
| 1.1 |   |   |   |  |  |
| 1.2 |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Lớp: …..** |  |  |  |  |
| 2.1 |   |   |   |  |  |
| 2.2 |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |
| **B** | **Hệ đại học (ĐH8)** |
| **1** | **Lớp: …..** |  |  |  |  |
| 1.1 |   |   |   |  |  |
| 1.2 |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |
| **2** | **Lớp: …..** |  |  |  |  |
| 2.1 |   |   |   |  |  |
| 2.2 |  |  |  |  |  |
| ..... |  |  |  |  |  |
| **C** | **Hệ đại học....(ĐH9)** |
| **1** | **Lớp: …..** |  |  |  |  |
| 1.1 |   |   |   |  |  |
| 1.2 |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Lớp: …..** |  |  |  |  |
| 2.1 |   |   |   |  |  |
| 2.2 |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |
| **D** | **Hệ đại học....(ĐH10)** |
| **1** | **Lớp: …..** |  |  |  |  |
| 1.1 |   |   |   |  |  |
| 1.2 |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Lớp: …..** |  |  |  |  |
| 2.1 |   |   |   |  |  |
| 2.2 |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |
| **E** | **Hệ đại học....(ĐH11)** |
| **1** | **Lớp: …..** |  |  |  |  |
| 1.1 |   |   |   |  |  |
| 1.2 |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Lớp: …..** |  |  |  |  |
| 2.1 |   |   |   |  |  |
| 2.2 |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |

**Đường link dẫn tới Bản công khai đề cương chi tiết trên website: …………………**

|  |  |
| --- | --- |
| **NGƯỜI LẬP****Nguyễn Thị B** | **TRƯỞNG KHOA****Nguyễn Văn B** |